

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-11-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Minh Tấn**

2/ Ông **Nguyễn Hữu Tài**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1971. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn M**, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/8/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M thành hôn vào năm 1989, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được 30 năm. Thời gian đầu sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn sống không còn hợp nhau, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân 06 năm nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Mỹ X, sinh ngày 01/01/1990 hiện đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh M. Về con chung đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt (không lý do).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Phạm Văn M cư trú tại ấp V, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn anh Phạm Văn M được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn M thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 82 vào ngày 21/11/2005 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh M thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng 06 năm nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh M vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị H và anh M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung cháu Phạm Thị Mỹ X, sinh ngày 01/01/1990 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị H ly hôn với anh Phạm Văn M.

2. Về con chung:

Cháu Phạm Thị Mỹ X, sinh ngày 01/01/1990 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị H nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0015583 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Tr;
 - THADS huyện Tr;
 - UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 21/11/2005);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thúy An